

# Deloitte.



DELOITTE  
VIETNAM

Making an impact since 1991

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 28

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

---

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Tiểu Mai	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Bà Ngô Thu Mật	Ủy viên
Bà Nguyễn Chính Chi	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Lê Quốc Thắng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Bà Điền Dục Thanh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Bà Lý Tiên Lệ	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)

##### Ban Giám đốc

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất
Ông Loh Siaw Kiang	Phó Tổng Giám đốc thứ hai
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

  
Đỗ Trí Vỹ  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Số: 0225 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2021, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ trong đó mô tả về diễn biến của dịch COVID-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 02 cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng trọng yếu liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Trần Xuân Ánh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0723-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.519.363</b>	<b>2.610.746</b>
I. Tiền	110	4	540.364	1.400.298
1. Tiền	111		540.364	1.400.298
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		457.428	510.372
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	200.139	91.464
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	124.570	173.253
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	132.719	245.655
III. Hàng tồn kho	140	9	508.797	631.253
1. Hàng tồn kho	141		508.797	631.253
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.774	68.823
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.774	68.823
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>37.263.607</b>	<b>38.285.898</b>
I. Tài sản cố định	220		31.835.294	32.861.662
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	31.822.013	32.786.233
- Nguyên giá	222		53.621.852	53.913.185
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.799.839)	(21.126.952)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	13.281	75.429
- Nguyên giá	228		4.496.461	4.496.461
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.483.180)	(4.421.032)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.434.713	4.434.713
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	4.434.713	4.434.713
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		419.411	419.411
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	419.411	419.411
IV. Tài sản dài hạn khác	260		574.189	570.112
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		89.773	120.638
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13	484.416	449.474
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>38.782.970</b>	<b>40.896.644</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.128.377</b>	<b>6.283.939</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.128.377</b>	<b>5.138.406</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	105.255	303.877
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.561	26.282
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	284.986	288.829
4. Phải trả người lao động	314		215.678	294.919
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		17.298	108.194
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.307.781	2.134.651
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	2.172.818	1.981.654
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>1.145.533</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	-	1.145.533
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>32.654.593</b>	<b>34.612.705</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>32.654.593</b>	<b>34.612.705</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.309.870	42.309.870
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.309.870	42.309.870
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.027.169	5.027.169
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		649.326	649.326
4. (Lỗ) lũy kế	421		(15.331.772)	(13.373.660)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(13.373.660)	(9.886.048)
- (Lỗ) kỳ này/năm trước	421b		(1.958.112)	(3.487.612)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>38.782.970</b>	<b>40.896.644</b>



**Mai Thị Dung**  
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2021



**Cao Thị Huyền**  
Kế toán trưởng



**Đỗ Thị Vỹ**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	2.382.671	2.111.807
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.382.671	2.111.807
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	3.081.284	3.270.794
5. (Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(698.613)	(1.158.987)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	61.117	71.399
7. Chi phí tài chính	22	25	108.814	179.045
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		74.542	135.360
8. Chi phí bán hàng	25	26	306.236	278.067
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	883.157	752.060
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		(1.935.703)	(2.296.760)
11. Thu nhập khác	31		7.780	3.806
12. Chi phí khác	32		30.189	24.618
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(22.409)	(20.812)
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1.958.112)	(2.317.572)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1.958.112)	(2.317.572)
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(0,0278)	(0,0329)

  
Mai Thị Dung  
Người lập biểu

  
Cao Thị Huyền  
Kế toán trưởng

  
Đỗ Trí Vỹ  
Tổng Giám đốc



Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(1.958.112)	(2.317.572)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.012.836	1.106.186
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	27.493	40.380
Lỗi từ hoạt động đầu tư	05	13.532	-
Chi phí lãi vay	06	74.542	135.360
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(829.709)	(1.035.646)
Thay đổi các khoản phải thu	09	53.052	132.464
Thay đổi hàng tồn kho	10	87.514	5.947
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	(120.203)	(274.076)
Thay đổi chi phí trả trước	12	86.914	(28.636)
Tiền lãi vay đã trả	14	(172.845)	(111.274)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(895.277)	(1.311.221)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(151.445)	(55.363)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(151.445)	(55.363)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.993.592	2.158.490
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.802.428)	(533.941)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	191.164	1.624.549
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(855.558)	257.965
Tiền đầu kỳ	60	1.400.298	1.535.191
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.376)	(15.701)
Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	540.364	1.777.455

Mai Thị Dung  
Người lập biểu

Cao Thị Huyền  
Kế toán trưởng

Đỗ Trí Vỹ  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 544.2194.665 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20 tháng 7 năm 2021, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt (thành lập tại Quần đảo British Virgin).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 813 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 829 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệt theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Sự kiện trọng yếu trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến ngành du lịch toàn cầu trong đó có Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia. Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp để duy trì hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc Công ty hoàn toàn tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua khủng hoảng và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi và phát triển.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá quy định về lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và xác định rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Công ty bằng Đô la Mỹ là phù hợp với quy định hiện hành cũng như cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Khả năng hoạt động liên tục**

Từ tháng 4 năm 2020, hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 dẫn đến khoản lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 1.958.112 USD cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 4.609.014 USD tại ngày 30 tháng 6 năm 2021. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã tích cực triển khai các phương án ứng phó với đại dịch Covid-19. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục trên cơ sở sau:

- Công ty theo dõi và quản lý các yêu cầu của các tổ chức tín dụng đặt ra để duy trì hạn mức tín dụng đã được cấp và Công ty có thể sử dụng hạn mức tín dụng còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 của các tổ chức tín dụng với trị giá 25.699.006.929 VND (tương đương 1.121.248 USD) khi cần thiết; và
- Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp bao gồm tiết kiệm chi phí hoạt động, triển khai các hoạt động tiếp thị nhằm thu hút nhiều khách du lịch và khách hàng trong nước và quốc tế. Theo đó, Công ty khẳng định tạo ra đủ dòng tiền cho hoạt động kinh doanh.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

#### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cọc và tính theo tuổi nợ như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

#### Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng

đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

<i>Loại hàng tồn kho</i>	<i>Phương pháp tính giá</i>
Hàng ăn	Nhập trước - Xuất trước
Hàng giải khát	Bình quân gia quyền
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Giá đích danh
Vật tư khác	Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 6,5 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các phần mềm kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng*

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy trò chơi điện tử, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip tiền mặt trong hộp drop box (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi.
- Doanh thu máy trò chơi bằng tổng số tiền khách nạp vào máy để chơi trừ đi tổng số tiền trả cho khách tại quầy thu ngân.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.





4. TIỀN

	Số cuối kỳ USD	Số đầu kỳ USD
Tiền mặt	517.091	672.019
Tiền gửi ngân hàng	23.273	728.279
	<b>540.364</b>	<b>1.400.298</b>

5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối kỳ USD		Số đầu kỳ USD	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	419.411	-	419.411	-
	<b>419.411</b>	<b>-</b>	<b>419.411</b>	<b>-</b>

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ USD	Số đầu kỳ USD
Khách đoàn Long Bay	166.678	52.725
Đại lý Hằng Thăng	32.204	32.608
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.257	6.131
	<b>200.139</b>	<b>91.464</b>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ USD	Số đầu kỳ USD
Công ty TNHH Cơ điện và Công nghệ An toàn Thăng Long	68.586	72.299
Công ty Đầu tư và Phát triển NME	41.153	41.153
Công ty Điện lực Quảng Ninh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	-	54.037
Khác	14.831	5.764
	<b>124.570</b>	<b>173.253</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ USD	Số đầu kỳ USD
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số chip khách cầm cuối kỳ	125.221	226.050
Tạm ứng nhân viên	6.099	-
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	433	18.349
Khác	966	1.256
	<b>132.719</b>	<b>245.655</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ USD		Số đầu kỳ USD	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	343.779	-	464.554	-
Hàng hóa	165.018	-	166.699	-
	<b>508.797</b>	<b>-</b>	<b>631.253</b>	<b>-</b>

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc USD	Máy móc, thiết bị USD	Phương tiện vận tải USD	Thiết bị văn phòng USD	Tài sản cố định khác USD	Tổng USD
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	38.703.360	11.973.971	896.962	848.531	1.490.361	53.913.185
Thanh lý	-	(276.251)	-	(15.082)	-	(291.333)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>38.703.360</b>	<b>11.697.720</b>	<b>896.962</b>	<b>833.449</b>	<b>1.490.361</b>	<b>53.621.852</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu kỳ	8.827.792	9.322.297	666.852	826.786	1.483.225	21.126.952
Khấu hao trong kỳ	453.882	437.404	42.799	12.259	4.344	950.688
Thanh lý	-	(262.719)	-	(15.082)	-	(277.801)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.281.674</b>	<b>9.496.982</b>	<b>709.651</b>	<b>823.963</b>	<b>1.487.569</b>	<b>21.799.839</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu kỳ	<b>29.875.568</b>	<b>2.651.674</b>	<b>230.110</b>	<b>21.745</b>	<b>7.136</b>	<b>32.786.233</b>
Số dư cuối kỳ	<b>29.421.686</b>	<b>2.200.738</b>	<b>187.311</b>	<b>9.486</b>	<b>2.792</b>	<b>31.822.013</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 29.218.093 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 29.932.797 USD) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời dừng sửa chữa với giá trị còn lại là 130.184 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 133.922 USD).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.136.969 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 6.187.879 USD).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất USD	Phần mềm kế toán USD	Tổng USD
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	4.394.268	102.193	4.496.461
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.394.268</b>	<b>102.193</b>	<b>4.496.461</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	4.334.815	86.217	4.421.032
Khấu hao trong kỳ	59.453	2.695	62.148
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.394.268</b>	<b>88.912</b>	<b>4.483.180</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu kỳ	59.453	15.976	75.429
Số dư cuối kỳ	-	13.281	13.281

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.469.507 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 75.239 USD).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động trong kỳ:

	Kỳ này USD	Kỳ trước USD
Số đầu kỳ	4.434.713	4.009.759
Tăng trong kỳ	-	69.757
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.434.713</b>	<b>4.079.516</b>

Chi tiết số dư:

	Số cuối kỳ USD	Số đầu kỳ USD
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia	1.678.038	1.678.038
+ <i>Mua sắm tài sản cố định</i>	235.060	235.060
+ <i>Sửa chữa lớn biệt thự</i>	1.181.164	1.181.164
+ <i>Các dự án mới</i>	261.814	261.814
- Nhà đa năng (*)	2.756.675	2.756.675
	<b>4.434.713</b>	<b>4.434.713</b>

(\*) Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư được Hội đồng Quản trị phê duyệt là 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD - xem thêm tại Thuyết minh số 29), việc thi công xây dựng đang tạm dừng sau khi Công ty và đơn vị ký hợp đồng thuê nhà đa năng là Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh ký thỏa thuận thanh lý hợp đồng thuê nhà đa năng ngày 28 tháng 12 năm 2018. Hiện tại, Công ty đang tích cực tìm kiếm các đối tác khác để hoàn thiện công trình và cho thuê.

13. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	USD		USD	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vật tư điện, nước	75.553	18.374	63.228	18.374
Vật tư xây dựng	482.752	55.515	460.135	55.515
	<b>558.305</b>	<b>73.889</b>	<b>523.363</b>	<b>73.889</b>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	USD	USD	USD	USD
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Doanh nghiệp Tư nhân Khá Thuý	11.088	11.088	12.235	12.235
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Gia Huy Quảng Ninh	-	-	52.150	52.150
Công ty TNHH Dự Thành	-	-	38.688	38.688
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	-	-	30.652	30.652
Phải trả cho các đối tượng khác	94.167	94.167	170.152	170.152
<b>Cộng</b>	<b>105.255</b>	<b>105.255</b>	<b>303.877</b>	<b>303.877</b>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	USD	USD	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	66.197	200.062	167.436	98.823
Thuế tiêu thụ đặc biệt	216.378	389.837	422.126	184.089
Thuế thu nhập cá nhân	6.254	53.794	57.974	2.074
Thuế khác	-	781	781	-
<b>Cộng</b>	<b>288.829</b>	<b>644.474</b>	<b>648.317</b>	<b>284.986</b>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	USD	USD
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.187.969	42.269
+ Đại lý Long Bay	1.145.533	-
+ Đại lý Thư Lượng	10.668	10.626
+ Đại lý Hằng Thăng	20.419	20.339
+ Khác	11.349	11.304
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.119.812	2.092.382
+ Đại lý Long Bay (*)	1.826.313	1.874.243
+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	94.818	44.248
+ Bảo hành xây dựng	101.174	100.124
+ Chip trôi nổi	26.420	25.446
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	6.548	6.494
+ Khác	64.539	41.827
<b>Cộng</b>	<b>3.307.781</b>	<b>2.134.651</b>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	1.145.533
+ Đại lý Long Bay	-	1.145.533
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.145.533</b>

(\*) Phải trả ngắn hạn khác từ Đại lý Long Bay bao gồm 356.989 USD tiền chip ký gửi tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 666.686 USD).

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ USD		Trong kỳ USD		Số cuối kỳ USD	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		1.576.038	1.576.038	3.190.994	3.025.788	1.741.244
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (i)						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	405.616	405.616	802.598	776.640	431.574	431.574
	<b>1.981.654</b>	<b>1.981.654</b>	<b>3.993.592</b>	<b>3.802.428</b>	<b>2.172.818</b>	<b>2.172.818</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bằng VND theo hợp đồng tín dụng kỳ ngày 05 tháng 8 năm 2021 với hạn mức tín dụng 75,5 tỷ VND tương đương 3,29 triệu USD (tỷ giá 22.920 VND/USD). Hạn mức tín dụng này đã bao gồm toàn bộ dư nợ ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng ngày 30 tháng 7 tháng 2020 và phụ lục hợp đồng ngày 18 tháng 8 năm 2020. Thời hạn cấp tín dụng được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần theo thông báo của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và các công trình xây dựng trên đất thuộc dự án "Khách sạn 5 sao và các công trình vui chơi giải trí" cùng với các máy móc thiết bị kèm theo.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND theo hợp đồng tín dụng kỳ ngày 10 tháng 12 năm 2020 với hạn mức tín dụng 10 tỷ VND tương đương 436 ngàn USD (tỷ giá 22.920 VND/USD) và có hiệu lực 1 năm. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Thời hạn cho vay tối đa của từng kế ước nhận nợ là 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất của khoản vay được xác định theo từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị điều hòa và thiết bị điện của khu tòa nhà Câu lạc bộ và khách sạn 5 sao.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD
Số dư đầu kỳ trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(9.886.048)	38.100.317
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(2.317.572)	(2.317.572)
Số dư cuối kỳ trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(12.203.620)	35.782.745
Số dư đầu kỳ này	42.309.870	5.027.169	649.326	(13.373.660)	34.612.705
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(1.958.112)	(1.958.112)
Số dư cuối kỳ này	42.309.870	5.027.169	649.326	(15.331.772)	32.654.593

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2020: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Trong năm 2021, Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiếp đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ cho Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần thứ 12 ngày 20 tháng 7 năm 2021. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy		Vốn đã góp					
	chứng nhận đầu tư sửa đổi		Số cuối kỳ				Số đầu kỳ	
			'000 VND	USD	'000 VND quy đổi	%	USD	'000 VND quy đổi
Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52,49	-	-	-	
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiếp	-	-	-	-	22.219.546	369.386.320	52,49	
Bà Ngô Thu Mật	22.619.800	1.374.987	22.619.800	3,21	1.374.987	22.619.800	3,21	
Ông Nguyễn Khởi Phát	18.880.920	1.149.924	18.880.920	2,68	1.149.924	18.880.920	2,68	
Bà Nguyễn Tiểu Mai	17.709.550	1.069.089	17.709.550	2,52	1.069.089	17.709.550	2,52	
Các nhà đầu tư khác	275.090.950	16.496.324	275.090.950	39,10	16.496.324	275.090.950	39,10	
<b>Cộng</b>	<b>703.687.540</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100</b>	

19. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
VND	4.192.744.439	4.826.234.560
JMP	95.341	83.486

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh và gồm 02 bộ phận kinh doanh là Câu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia:

Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách.

- Khách sạn - biệt thự Hoàng Gia:

Cho thuê phòng khách sạn, biệt thự, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ liên quan khác.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Kỳ này

	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	1.320.072	1.062.599	-	2.382.671
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	272.829	760.895	-	1.033.724
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(1.283.813)	(651.890)	-	(1.935.703)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	1.085	14.886	-	15.971
5. Tài sản bộ phận	7.119.927	29.721.288	(16.743.360)	20.097.855
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	18.685.115
<b>Tổng tài sản</b>	<b>7.119.927</b>	<b>29.721.288</b>	<b>(16.743.360)</b>	<b>38.782.970</b>
7. Nợ phải trả bộ phận	20.163.149	66.952	(16.743.360)	3.486.741
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	2.641.636
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>20.163.149</b>	<b>66.952</b>	<b>(16.743.360)</b>	<b>6.128.377</b>



**Kỳ trước**

	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	930.958	1.180.849	-	2.111.807
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	357.510	859.044	-	1.216.554
<b>3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(1.800.920)</b>	<b>(495.840)</b>	-	<b>(2.296.760)</b>
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	58.984	66.620	-	125.604
5. Tài sản bộ phận	8.321.694	31.518.387	(16.193.102)	23.646.979
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	18.752.192
<b>Tổng tài sản</b>	<b>8.321.694</b>	<b>31.518.387</b>	<b>(16.193.102)</b>	<b>42.399.171</b>
7. Nợ phải trả bộ phận	19.532.761	561.470	(16.193.102)	3.901.129
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	2.715.297
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>19.532.761</b>	<b>561.470</b>	<b>(16.193.102)</b>	<b>6.616.426</b>

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	USD	USD
Doanh thu chip	1.283.447	813.837
Doanh thu phòng nghỉ	650.445	824.007
Doanh thu dịch vụ ăn uống, giải khát	406.114	305.872
Doanh thu xèng	36.626	117.122
Doanh thu dịch vụ khác	6.039	50.969
	<b>2.382.671</b>	<b>2.111.807</b>

**22. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	USD	USD
Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu và tiêu hao phẩm	158.765	142.505
Chi phí nhân công	1.471.489	1.660.106
Chi phí khấu hao tài sản cố định	967.581	1.060.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	483.449	407.925
	<b>3.081.284</b>	<b>3.270.794</b>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	USD	USD
Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu và tiêu hao phẩm	158.765	142.505
Chi phí nhân công	2.365.871	2.338.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.012.836	1.106.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	733.205	713.943
	<b>4.270.677</b>	<b>4.300.921</b>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	USD	USD
Lãi tiền gửi	68	119
Lãi chênh lệch tỷ giá	27.326	35.961
Doanh thu hoạt động tài chính khác	33.723	35.319
	<b>61.117</b>	<b>71.399</b>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	USD	USD
Chi phí lãi vay	74.542	135.360
Lỗ chênh lệch tỷ giá	34.272	43.685
	<b>108.814</b>	<b>179.045</b>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	USD	USD
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	267.468	226.811
Chi phí dụng cụ sản xuất	4.838	7.801
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.463	23.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.791	1.800
Các chi phí bằng tiền khác	8.676	18.192
	<b>306.236</b>	<b>278.067</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	626.914	451.370
Chi phí dụng cụ sản xuất	6.811	9.533
Chi phí khấu hao TSCĐ	21.792	22.465
Chi phí dịch vụ mua ngoài	156.402	157.855
Các chi phí bằng tiền khác	71.238	110.837
	<b>883.157</b>	<b>752.060</b>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	USD	USD
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại</b>		
<b>(Lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>(1.958.112)</b>	<b>(2.317.572)</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế và điều chỉnh khác</i>	<i>(14.372)</i>	<i>(14.123)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>13.225</i>	<i>41.564</i>
<i>Cộng/(Trừ): Chênh lệch giá trị chip trôi nổi cuối kỳ và đầu kỳ</i>	<i>207.894</i>	<i>(5.800)</i>
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>(1.751.365)</b>	<b>(2.295.931)</b>
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

28. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (USD)	(1.958.112)	(2.317.572)
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (USD)	(1.958.112)	(2.317.572)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
<b>(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (USD)</b>	<b>(0,0278)</b>	<b>(0,0329)</b>

29. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết như sau:

**Cam kết đầu tư**

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, giá trị đã đầu tư là 2.756.675 USD và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 115.875 USD.

Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn đầu tư từ 67 triệu USD lên 120 triệu USD theo Nghị quyết số 2017/NQ-HĐCĐTN để phục vụ nhu cầu sửa chữa khu biệt thự và kế hoạch đầu tư xây dựng mở rộng kinh doanh của Công ty trong tương lai.

**Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định**

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 72.272 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 72.272 USD)

**Cam kết trả tiền thuê đất**

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
		<u>USD</u>	<u>USD</u>
Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc	31.235	16.843
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất	8.162	4.791
Ông Loh Siaw Kiang	Phó Tổng Giám đốc thứ hai	25.854	15.856
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng	7.970	4.515
		<u>73.221</u>	<u>42.005</u>

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 113.880 USD (kỳ 6 tháng đầu năm 2020: 164.494 USD) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 114.142 USD (kỳ 6 tháng đầu năm 2020: 435.466 USD) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.



Mai Thị Dung  
Người lập biểu



Cao Thị Huyền  
Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021